

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Thuận.
- Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp F A, xã B, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số B, đường V, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

(Bà T, ông Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2019 bà và ông Trần Hoàng Đ xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/3/2019.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh). Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ ăn chơi, sử dụng chất ma túy và có hành vi bạo lực gia đình, từ đó vợ chồng thường hay cãi vã nhau, vợ chồng bà

đã ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà và ông Đ có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã P, sinh ngày 22/5/2020 và Trần Lê Tố N, sinh ngày 19/10/2021. Hiện con chung Trần Ngọc Nhã P đang sống với ông Đ, con chung Trần Lê Tố N đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Lê Tố N, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý để ông Đ được trực tiếp nuôi con chung Trần Ngọc Nhã P, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Hoàng Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quá trình chung sống và điều kiện kết hôn.

Ông và bà T kết hôn với nhau do quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/3/2019.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh). Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông ăn chơi, sử dụng chất ma túy, không có công việc ổn định và không lo cho vợ con. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông cho rằng ông còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông và bà T có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã P, sinh ngày 22/5/2020 và Trần Lê Tố N, sinh ngày 19/10/2021. Hiện con chung Trần Ngọc Nhã P đang sống với ông, con chung Trần Lê Tố N đang sống với bà T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Ngọc Nhã P, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi con chung Trần Lê Tố N, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Đ không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng Đ, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét thấy, bà Lê Thị Bích T và ông Trần Hoàng Đ do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/3/2019, hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp. Bà T và ông Đ do quen biết và đi đến hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo bà T, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Đ ăn chơi, sử dụng chất ma túy và có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Ông Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn do ông ăn chơi, sử dụng ma túy, không có công việc ổn định và không lo cho vợ con, ông muốn vợ chồng đoàn tụ vì ông còn thương vợ. Ông Đ yêu cầu được đoàn tụ nhưng ông không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khi đó, bà T xác định bà T không thể tiếp tục sống chung với ông Đ, bà T không đồng ý đoàn tụ và cương quyết ly hôn với ông Đ. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà T và ông Đ đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Đ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông Đ xác định quá trình chung sống bà T, ông Đ có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã P, sinh ngày 22/5/2020 và Trần Lê Tố N, sinh ngày 19/10/2021. Xét thấy, cháu P đang sống cùng ông Đ, cháu N đang sống cùng bà T, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, bà T đồng ý để ông Đ được trực tiếp nuôi cháu P và được ông Đ đồng ý. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về môi trường sinh hoạt của cháu P và cháu N, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T và ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Buộc bà Lê Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích T đối với bị đơn ông Trần Hoàng Đ về việc ly hôn.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bích T được ly hôn với ông Trần Hoàng Đ.

Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Bích T và ông Trần Hoàng Đ có 02 con chung là Trần Ngọc Nhã P, sinh ngày 22/5/2020 và Trần Lê Tố N, sinh ngày 19/10/2021. Giao con chung tên Trần Lê Tố N, sinh ngày 19/10/2021 cho bà Lê Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên ông Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung tên Trần Ngọc Nhã P, sinh ngày 22/5/2020 cho ông Trần Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên bà T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000286 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh
(cũ là UBND thị trấn Bến Lức, huyện
Bến Lức, tỉnh Long An);
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

Phan Thu Thảo

